TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 9 năm 2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Bá Diễn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Mỳ và bà Vũ Thị Hảo

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Trung Kiên- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 140/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh nhăm 1993.
Địa chỉ: Số 227, tổ 1B, khu phố 7, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Số 06, đường liên tổ 8-9, tổ 8, khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt; anh Tuấn A xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tuấn A tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau từ năm 2013 nhưng sau đó mới đăng ký và được UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai

cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 293, quyển số 01/2013 ngày 11/7/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh Tuấn A về chung sống tại nhà của cha mẹ chồng (Số 06, đường liên tổ 8-9, tổ 8, khu phố 1, thị trấn V) và sinh được một con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/7/2014.

Chị và anh Tuấn A chung sống hạnh phúc đến tháng 03/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh Tuấn A thường tụ tập, chơi bời với bạn bè xấu, không chịu làm ăn, không có trách nhiệm với vợ, con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Tuấn A không nghe nên cuộc sống chung của chị và anh Tuấn A ngày càng mâu thuẫn. Đến tháng 3/2020, chị đưa con về bên nhà cha mẹ ruột của chị (Số 227, tổ 1B, khu phố 7, thị trấn V) sinh sống cho đến nay. Trong thời gian này, anh Tuấn A vẫn không có sự quan tâm, chăm lo gì cho chị và cháu K.

Nay, nhận thấy cuộc sống chung giữa chị với anh Tuấn A không có hạnh phúc, không còn sự tin yêu lẫn nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh Tuấn A không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng.

** Anh Nguyễn Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong bản tự khai gửi Tòa án, anh trình bày:*

Anh và chị H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn như chị H trình bày là đúng. Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng anh không đồng ý ly hôn vì thương con còn nhỏ. Trong trường hợp Tòa án vẫn giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu K, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị H không có nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị H được ly hôn với anh Tuấn A; Giao cháu Nguyễn Tuấn K cho chị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con và chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị Ngọc H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn là anh Tuấn Anh có nơi cư trú tại số 06, đường liên tổ 8-9, tổ 8, khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[1.3] Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho anh Tuấn A các văn bản tố tụng gồm: "Thông báo về việc thụ lý vụ án" và "Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải" nhưng anh Tuấn A không đến Tòa án tham gia phiên họp. Do anh Tuấn A đã được Thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp nên Tòa án lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Tòa án tiếp tục tiến hành tống đạt hợp lệ "Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải", "Quyết định đưa vụ án ra xét xử" cho anh Tuấn A theo đúng quy định của pháp luật. Anh Tuấn A đã trực tiếp ký nhận "Quyết định đưa vụ án ra xét xử" và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt anh Tuấn A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị H và anh Tuấn A tự nguyện chung sống với nhau, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị H và anh Tuấn A là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của chị H và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy cuộc sống chung của anh Tuấn A và chị H không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, anh Tuấn A và chị H đã sống ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chính anh Tuấn A cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Anh Tuấn A không muốn ly hôn nhưng lại không đưa ra được giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã nhiều lần thông báo, triệu tập hợp lệ cho anh Tuấn A đến Tòa án gặp gỡ chị H để tiến hành

hòa giải nhưng anh Tuấn A không đến, cho thấy anh Tuấn A không có thiện chí kêu gọi chị H trở về đoàn tụ. Do vậy, yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh Tuấn A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Tuấn A đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, đây là nguyện vọng chính đáng của anh, chị. Tuy nhiên, chị H có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định, từ trước đến nay cháu K đều do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu đang sống chung với chị H nên yêu cầu của chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K là có căn cứ. Anh Tuấn A có yêu cầu nuôi con nhưng anh không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh điều kiện, khả năng nuôi con của mình. Do vậy, để đảm bảo hoàn cảnh sinh sống, điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt cho cháu K, Hội đồng xét xử giao cháu K cho chị chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về nợ chung và tài sản chung: Chị H và anh Tuấn A đều khai không có nợ chung; không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh Tuấn A và chị H trong vụ án này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H. Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 26/7/2014 cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh Tuấn A.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự đều khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung của chị Trần Thị Ngọc H và anh Nguyễn Tuấn A trong vụ án này.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0003045 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Như vậy chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tuấn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ, lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Bá Diễn